

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2020/DS-PT**

Ngày: 07-5-2020

V/v Tranh chấp dân sự về hợp  
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Tấn Lợi.

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Ngọc Giao

Ông Sĩ Danh Đạt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Chí Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh ĐT.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐT tham gia phiên tòa:**

Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh ĐT xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2019/DS-ST, ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện CT bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Lê Gia Th, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 1102, ấp Tân Thuận, xã TTĐ, huyện CT, tỉnh ĐT.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Gia Th là ông Cao Minh Tr, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 273, khóm Sa Nhiên, phường TQĐ, thành phố SĐ, tỉnh ĐT (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02/3/2020).

**2. Bị đơn:** Nguyễn Minh T, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 1094/B, ấp Tân Hòa, xã TTĐ, huyện CT, ĐT.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Minh T:*

Luật sư Phạm Hoàng Đ - Công ty Luật Hợp danh Anh Em Luật sư, Chi nhánh ĐT, thuộc Đoàn Luật sư thành phố HCM (có mặt).

*Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Minh T là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn ông Lê Gia Th trình bày:** Trước đây, ông Th có cho ông T vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay, ông T đều có làm biên nhận cho ông Th. Số tiền mỗi lần vay ít nhất là 50.000.000 đồng, nhiều nhất là 4 đến 5 tỷ đồng. Trong những số tiền cho ông T vay, ông Th dùng uy tín hỏi vay của người khác (bà H, ông X, ông H1, bà O, Quách Tấn Ph, ông D...), ông Th nhận tiền (chuyển khoản, tiền mặt) rồi giao cho ông T hoặc những người này chuyển khoản trực tiếp cho ông T. Lãi suất tùy theo người: Bà O 2%/tháng, ông X 6%/tháng, ông Ph, D, H1 9%/tháng. Cách thức ông T trả lãi là giao tiền mặt hoặc chuyển khoản cho ông Th, để ông Th trả lãi trực tiếp cho những người cho vay.

Việc vay mượn, trả lãi suông sẽ cho đến khi vợ chồng ông T phát sinh mâu thuẫn, vợ ông T yêu cầu ly hôn ông T, tranh chấp tài sản, dẫn đến việc Ngân hàng không cho ông T đáo nợ, việc làm ăn của ông T gặp khó khăn. Khi đó, ông Th mới yêu cầu ông T làm lại giấy nợ cho thống nhất. Do đó, cùng ngày 01/10/2015, ông T đã làm 04 biên nhận mượn tiền của ông Th, cụ thể như sau: Biên nhận 3.300.000.000 đồng, số tiền này ông T thống nhất thay ông Th trả cho bà Phan Thị Quốc H 1.650.000.000 đồng, trả cho ông Đinh Văn X 1.650.000.000 đồng (Theo giấy xác nhận cam kết thanh toán nợ 03 bên: ông Th, ông T với bà H và ông X, bút lục số 57, 62); Biên nhận 2.360.000.000 đồng, ông T trả cho ông Th nhiều lần, sau đó ngày 16/12/2015 thống nhất lại còn 539.920.000 đồng gồm vốn và lãi (Theo tờ giấy ông T cung cấp cho Tòa án, tại bút lục số 51); Biên nhận 1.095.000.000 đồng và Biên nhận 1.900.000.000 đồng. Trong đó biên nhận 1.900.000.000 đồng ông T vay nhằm ứng trước tiền xây nhà, xưởng cho ông Th. Ngoài ra, giữa ông Th và ông T còn vay mượn qua lại, cản trở các khoản khác. Sau đó, ông T thống nhất trả cho bà Nguyễn Thị Kim O 1.300.000.000 đồng, ông Nguyễn Thanh H1 1.000.000.000 đồng thay cho ông Th (Theo giấy xác nhận cam kết thanh toán nợ ba bên, bút lục số 59, 61).

Đối với số tiền 1.900.000.000 đồng, sau khi làm biên nhận vay, ông T không thực hiện việc xây dựng nhà, xưởng mà chỉ làm một nhà kho, trị giá khoảng 500.000.000 đồng và trả tiền mặt cho ông Th 200.000.000 đồng, nên còn nợ lại 1.200.000.000 đồng.

Ông Th khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền vốn là 1.200.000.000 đồng và tại phiên tòa sơ thẩm ông Th yêu cầu bổ sung buộc ông T phải trả lãi từ ngày 01/10/2015 đến ngày 01/10/2019 với lãi suất 10%/ năm, thành tiền là 480.000.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 1.680.000.000 đồng. Ngoài ra, ông Th xác định ông T không còn nợ ông khoản nào khác, nên không yêu cầu ông T trả khoản nợ nào khác.

**\* Bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:** Số tiền 1.900.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/10/2015, mà ông Th khởi kiện ông, không phải là tiền vay mà là tiền lãi của các khoản vay trước đó, viết lại từ biên nhận ngày 08/4/2015 do ông T cung cấp (bút lục 50). Sau đó, ông T có làm cho ông Th 01 nhà xưởng và trả thêm 200.000.000 đồng, tổng cộng 853.000.000 đồng và cần trừ các khoản khác nên chỉ còn nợ lại 335.000.000 đồng.

Ông T chỉ đồng ý trả cho ông Th 335.000.000 đồng và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại lãi suất đã trả cho ông Th của các khoản vay trước đó.

**\* Tại bản án sơ thẩm số 72/2019/DS-ST, ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện CT đã xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Minh T trả cho ông Lê Gia Th tiền vốn vay là 1.200.000.000 đồng và lãi 480.000.000 đồng, tổng cộng 1.680.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 62.400.000 đồng (Sáu mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Lê Gia Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.000.000 đồng, theo biên lai số 03704 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/12/2019, ông Nguyễn Minh T là bị đơn trong vụ án đã kháng cáo bản án sơ thẩm số 72/2019/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện CT. Ông T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; Xem xét lại nguồn gốc chứng cứ mà nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện, đồng thời làm rõ việc cần trừ nợ của nguyên đơn để xác định số nợ còn lại; Xem xét và tính lại toàn bộ tiền lãi mà nguyên đơn đã thu nhập bất chính từ tháng 5/2013 đến ngày 15/12/2015 là 6.572.000.000 đồng theo quy định pháp luật.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Luật sư Phạm Hoàng Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày: Số tiền 1.900.000.000 đồng theo biên nhận ngày

01/10/2015, mà ông Th khởi kiện ông T không phải là tiền vay mà là tiền lãi của khoản vay số tiền 3.906.000.000 đồng (Theo Tờ giải trình ngày 05/5/2020 mà ông T nộp cho Tòa án). Việc ông T ghi Tờ cam kết ngày 20/02/2019 thừa nhận nợ ông Th 1.200.000.000 đồng và hứa trả dần xuất phát từ việc thời điểm đó hoàn cảnh Doanh nghiệp của ông T quá khó khăn, cần có thời gian cơ cấu lại Doanh nghiệp. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết buộc ông T phải trả lãi 480.000.000 đồng cho ông Th theo yêu cầu của ông Th tại phiên tòa sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do vượt quá giới hạn của yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, do ông Th không có yêu cầu khởi kiện đối với lãi và không được Tòa án hòa giải trước khi xét xử. Luật sư Đ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, nếu không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ông T thống nhất với lời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Luật sư Đ như nêu trên. Ngoài ra ông cho rằng đối với số tiền 1.900.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/10/2015 là tiền lãi, tuy nhiên ông đã làm nhà xưởng cho ông Th 853.000.000 đồng, trả tiền mặt 200.000.000 đồng và trả tiền nhiều lần khác không làm biên nhận chỉ còn nợ lại tương đương 700.000.000 đồng, ngoài ra khi cần trừ nợ với 5 khách hàng do ông phải trả nợ thay cho ông Th 5.600.000.000 đồng, trong đó có số tiền chênh lệch thừa 365.000.000 đồng, tiếp tục được trừ vào 700.000.000 đồng nên chỉ còn nợ lại ông Th số tiền 335.000.000 đồng.

- Ông Cao Minh Tr đại diện theo ủy quyền của ông Lê Gia Th không thống nhất theo yêu cầu kháng cáo của ông T, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Cho rằng số tiền 1.900.000.000 đồng là do ông Th cho ông T tạm ứng để xây dựng nhà xưởng, sau khi ông T làm biên nhận vay ngày 01/10/2015 thì ông T không thực hiện việc xây dựng nhà xưởng, chỉ làm một nhà kho trị giá khoảng 500.000.000 đồng và trả tiền mặt cho ông Th 200.000.000 đồng, nên còn nợ tiền vốn là 1.200.000.000 đồng, do ông T kéo dài không chịu trả tiền, nên ông Th yêu cầu ông T phải trả lãi từ ngày 01/10/2015 đến ngày 01/10/2019 lãi suất 10%/năm, với số tiền 480.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐT phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (quy định về thời hạn kháng cáo). Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông T. Sửa một phần bản án sơ thẩm về việc không chấp nhận yêu cầu của ông Th buộc ông T trả lãi cho ông Th số tiền 480.000.000 đồng, do ông Th yêu cầu bổ sung vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện CT thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Minh T không thống nhất bản án dân sự sơ thẩm số 72/2019/DS-ST, ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện CT nên đã kháng cáo. Việc ông T nộp đơn kháng cáo vào ngày 20/12/2019 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Giữa ông Lê Gia Th và ông Nguyễn Minh T có giao dịch vay tiền với nhau qua nhiều năm, trong đó ông Th cho ông T vay tiền nhiều lần. Đến ngày 01/10/2015 các bên chốt nợ với nhau, ông T ký nhận nợ vay tiền của ông Th theo 04 biên nhận gồm: biên nhận 1.900.000.000 đồng; biên nhận 3.300.000.000 đồng; biên nhận 2.360.000.000 đồng và biên nhận 1.095.000.000 đồng. Hai bên thống nhất việc cân trừ nợ ba bên theo các giấy xác nhận cam kết nợ, ông T sẽ trả nợ cho bên thứ ba thay cho ông Th. Ông Th không tranh chấp với ông T đối với 03 biên nhận: số tiền 3.300.000.000 đồng, 2.260.000.000 đồng và 1.095.000.000 đồng trong vụ án này vì đã giải quyết xong, chỉ tranh chấp đối với số tiền 1.900.000.000 đồng, do sau khi làm biên nhận vay, ông T không thực hiện việc xây dựng nhà xưởng như đã thỏa thuận, mà chỉ làm một nhà kho trị giá khoảng 500.000.000 đồng và trả tiền mặt cho ông Th 200.000.000 đồng, nên còn nợ lại 1.200.000.000 đồng. Ông T thừa nhận ông có lập và có ký tên vào biên nhận nợ 1.900.000.000 đồng ngày 01/10/2015, nhưng cho rằng đây là tiền lãi của khoản vay 3.906.000.000 đồng trước đó, số tiền 3.906.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 20/5/2014 đến ngày 31/10/2014 (164 ngày) là 1.921.752.000 đồng, ông đã trả ông Th 21.752.000 đồng (không làm giấy tờ), nên viết biên nhận chỉ là 1.900.000.000 đồng, vì vậy ông T không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông Th, chỉ thống nhất trả số tiền còn nợ lại 335.000.000 đồng, nên phát sinh tranh chấp giữa các bên.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Gia Th, buộc ông Nguyễn Minh T trả cho ông Th tiền vốn vay 1.200.000.000 đồng là có cơ sở. Bởi vì: Căn cứ vào biên nhận ngày 01/10/2015 đối với số tiền vay 1.900.000.000 đồng thì ông T thừa nhận có lập, ký tên và có đóng dấu của DNTN xây dựng và cơ khí T Thuật do ông Th làm chủ vào biên nhận, tuy nhiên đây là khoản vay cá nhân của ông với ông Th; Ông T cho rằng số tiền nợ trên là tiền lãi từ tiền nợ gốc 3.906.000.000 đồng nhưng ông không chứng minh được số tiền 1.900.000.000 đồng là từ số tiền lãi 1.921.752.000 đồng, việc này cũng không được ông Th thừa nhận, ông Th cho rằng tờ giấy ghi kết nợ ngày 08/4/2015 là do ông T tự ghi, không có xác nhận của ông Th, đồng thời giữa hai bên có rất nhiều khoản vay, giao dịch tiền bạc qua lại trong thời gian dài, do hai bên là chỗ bạn bè thân thiết nên có những khoản vay và khoản trả không làm giấy tờ, tuy nhiên tất cả đã giải quyết xong, tổng kết cuối cùng là 04 biên nhận ngày 01/10/2015; Việc ông T cho rằng ông có làm cho ông Th 01 nhà xưởng trị giá 853.000.000 đồng, trả tiền mặt 200.000.000 đồng và cân trừ các khoản khác nên chỉ còn nợ lại 335.000.000 đồng nhưng ông T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh trình bày của mình là có cơ sở mà theo Tờ cam kết ngày 20/02/2019 (bút lục 85) do ông tự lập tại Tòa án huyện CT, ông đã thừa nhận có nợ của ông Th 1.200.000.000 đồng và thống nhất trả dần cho ông Th số tiền này. Vì vậy việc buộc ông T trả cho ông Th số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Tuy nhiên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông Th tại phiên tòa sơ thẩm là không đúng do đã vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì trước khi mở phiên tòa ông Th không có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T có nghĩa vụ trả lãi từ 01/10/2015 đến 01/10/2019, lãi suất 10%/ năm, với số tiền 480.000.000 đồng, yêu cầu này chưa được Tòa án sơ thẩm thụ lý theo quy định pháp luật, mà ông Th chỉ yêu cầu tại phiên tòa sơ thẩm. Xét thấy mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm về tố tụng nhưng chưa đến mức phải hủy án sơ thẩm, Tòa án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Vì vậy cần sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Th buộc ông Thiện phải trả lãi 480.000.000 đồng trong vụ án này là phù hợp.

[4] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Gia Th, buộc ông T phải trả cho ông Th số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông Th buộc ông T trả lãi 480.000.000 đồng và sửa án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với việc ông T yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi cho vay giữa ông và ông Th đối với các khoản vay trước, xét thấy tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Th không thực hiện thủ tục yêu cầu phản tố theo quy định pháp luật nên không được xem xét giải quyết trong vụ án này là phù hợp. Ông T vẫn có quyền khởi kiện yêu cầu này bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được xem xét chấp nhận.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có một phần cơ sở như đã phân tích trên, nên được xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do án sơ thẩm bị sửa, nên ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Minh T;
2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Gia Th

Buộc ông Nguyễn Minh T trả cho ông Lê Gia Th tiền vốn vay là 1.200.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Gia Th về việc buộc ông Nguyễn Minh T trả lãi 480.000.000 đồng trong vụ án này.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Minh T phải chịu 48.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Lê Gia Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.000.000 đồng, theo biên lai thu số 03704 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm

Ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007271 ngày 17/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSPA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Tấn Lợi**